

# **Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 44

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp và GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh dầu và dầu nhờn.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 3 chi nhánh sau đây:

- Chi nhánh Hà Nội tại số 3, Lô B, Tổ 102, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; và
- Chi nhánh Đà Nẵng tại số 430 Nguyễn Tri Phương, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Quốc Hưng	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017
	Thành viên	từ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên	
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2017
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên	từ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2017

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Tường Minh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trọng Phúc	Thành viên
Ông Phan Trọng Lâm	Thành viên



# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Bá Thọ	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017
Ông Trương Quốc Hưng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017
Ông Tô Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Lê Bá Thọ	bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017
Ông Trương Quốc Hưng	từ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tổng Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Bá Thọ  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2017



Số tham chiếu: 61280423/19357633/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") và các công ty con ("Tổng Công ty"), được lập ngày 7 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>785.645.514.676</b>	<b>315.284.354.085</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>106.035.839.403</b>	<b>45.183.412.446</b>
111	1. Tiền		60.307.839.403	24.237.412.446
112	2. Các khoản tương đương tiền		45.728.000.000	20.946.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>594.954.946.356</b>	<b>199.374.870.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	130.500.000.000	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(13.457.923.644)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	477.912.870.000	199.374.870.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>68.440.143.562</b>	<b>56.759.740.212</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		30.278.455.346	41.114.365.126
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.091.995.529	6.466.785.679
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		15.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		36.532.533.790	25.641.430.510
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(16.462.841.103)	(16.462.841.103)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>16.030.851.465</b>	<b>13.824.364.902</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	16.030.851.465	13.824.364.902
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>183.733.890</b>	<b>141.966.525</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	64.665.083	141.966.525
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		119.068.807	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>518.425.852.403</b>	<b>850.478.848.125</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>25.950.000</b>	<b>25.950.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		25.950.000	25.950.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>186.147.568.378</b>	<b>191.680.443.639</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	180.945.223.378	186.478.098.639
222	Nguyên giá		342.007.798.116	343.074.791.593
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(161.062.574.738)	(156.596.692.954)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	5.202.345.000	5.202.345.000
228	Nguyên giá		5.202.345.000	5.202.345.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>25.606.004.048</b>	<b>14.771.707.034</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản, dở dang	11	25.606.004.048	14.771.707.034
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>301.035.130.393</b>	<b>638.135.620.784</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.1	294.544.305.754	317.138.354.170
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.2	813.124.639	320.997.266.614
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.677.700.000	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.611.199.584</b>	<b>5.865.126.668</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	5.611.199.584	5.865.126.668
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.304.071.367.079</b>	<b>1.165.763.202.210</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>181.033.262.702</b>	<b>157.920.078.397</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>109.226.191.126</b>	<b>90.911.092.491</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	6.142.127.203	1.960.014.492
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	4.681.441.574	2.282.794.214
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.496.554.685	3.438.127.898
314	4. Phải trả người lao động		1.463.406.912	2.979.812.688
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.191.785.866	703.964.113
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	87.343.506.597	60.303.823.434
320	7. Vay ngắn hạn	16	1.109.399.555	16.056.571.389
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		671.231.535	989.150.620
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.126.737.199	2.196.833.643
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>71.807.071.576</b>	<b>67.008.985.906</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	11.122.851.000	7.569.629.000
338	2. Vay dài hạn	16	56.559.836.984	55.586.933.613
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	24.3	633.111.217	16.033.593
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		3.491.272.375	3.836.389.700
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.123.038.104.377</b>	<b>1.007.843.123.813</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.123.038.104.377</b>	<b>1.007.843.123.813</b>
411	1. Vốn cổ phần	17.1	671.000.000.000	671.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		671.000.000.000	671.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu	17.1	530.450.206	530.450.206
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	17.1	38.281.839.102	38.281.839.102
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	17.1	49.565.919.026	49.565.919.026
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.1	356.978.710.194	241.816.391.370
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		174.329.391.370	179.038.448.420
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		182.649.318.824	62.777.942.950
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	17.5	6.681.185.849	6.648.524.109
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.304.071.367.079</b>	<b>1.165.763.202.210</b>

  
Phạm Quang Minh  
Người lập

  
Trịnh Văn Quý  
Kế toán trưởng

  
Lê Bá Thọ  
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	83.323.111.361	102.179.736.099
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(84.651.533)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	83.238.459.828	102.179.736.099
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(69.649.017.354)	(85.935.957.354)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.589.442.474	16.243.778.745
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	591.282.631.585	37.312.053.852
22	7. Chi phí tài chính	20	(18.154.251.322)	(450.209.982)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(482.682.909)	(431.359.982)
24	8. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết		(22.594.048.416)	5.526.899.872
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(6.955.835.140)	(10.249.815.184)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		557.167.939.181	48.382.707.303
31	11. Thu nhập khác	22	1.725.773.710	181.414.132
32	12. Chi phí khác	22	(31.642.012)	(4.127.106.093)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		1.694.131.698	(3.945.691.961)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		558.862.070.879	44.437.015.342
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.2	(107.079.564.691)	(2.453.384.209)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	24.3	(617.077.624)	353.500.582



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		451.165.428.564	42.337.131.715
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		451.049.318.824	42.121.793.076
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	17.5	116.109.740	215.338.639
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.3	6.722	627
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.3	6.722	627



Phạm Quang Minh  
Người lập



Trịnh Văn Quý  
Kế toán trưởng



Lê Bá Thọ  
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>558.862.070.879</b>	<b>44.437.015.342</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	9	7.777.336.943	7.729.518.556
03	Các khoản dự phòng		13.457.923.644	981.841.013
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.552.598.897	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(569.478.457.597)	(38.854.952.912)
06	Chi phí lãi vay	20	482.682.909	431.359.982
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>12.654.155.675</b>	<b>14.724.781.981</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		5.753.274.534	(11.401.389.870)
10	Tăng hàng tồn kho		(2.195.486.563)	(10.492.028.755)
11	Tăng các khoản phải trả		34.902.993.252	15.884.550.320
12	Giảm chi phí trả trước		331.228.526	335.336.000
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(130.500.000.000)	-
14	Tiền lãi vay đã trả	14	(600.182.909)	(431.359.982)
15	Thuế TNDN đã nộp		(104.324.586.355)	(9.268.394.058)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.457.096.444)	(6.194.827.931)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(185.435.700.284)</b>	<b>(6.843.332.295)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(14.469.117.601)	(916.000.000)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.200.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác		(700.461.700.000)	(103.299.370.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		401.246.000.000	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		845.880.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		64.003.260.202	34.251.669.852
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>597.398.442.601</b>	<b>(69.963.700.148)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	16	-	16.120.637.543
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	16	(15.526.867.360)	(9.727.113.914)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	17.4	(335.500.000.000)	(33.550.000.000)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	17.5	(83.448.000)	(211.777.664)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(351.110.315.360)</b>	<b>(27.368.254.035)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		60.852.426.957	(104.175.286.478)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		45.183.412.446	168.407.993.499
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	106.035.839.403	64.232.707.021

  
Phạm Quang Minh  
Người lập

  
Trịnh Văn Quý  
Kế toán trưởng

  
Lê Bá Thọ  
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty"), các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết như sau:

**Công ty**

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp và GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh dầu, và dầu nhờn.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 3 chi nhánh sau đây:

- Chi nhánh Hà Nội tại số 3, Lô B, Tổ 102, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; và
- Chi nhánh Đà Nẵng tại số 430 Nguyễn Tri Phương, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

**Công ty con**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có ba công ty con được trình bày như sau:

**Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO")**

Công ty sở hữu 86,15% vốn chủ sở hữu của ECCO, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103000067 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của ECCO là xây dựng các công trình dân dụng. ECCO có trụ sở đăng ký tại Số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ ("Đóng tàu Cần Thơ")**

Công ty sở hữu 70% vốn chủ sở hữu của Đóng tàu Cần Thơ, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5703000110 do SKHĐT Thành phố Cần Thơ cấp ngày 14 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của CanTho Shipyard là cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi. Đóng tàu Cần Thơ có trụ sở đăng ký tại số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

**Công ty con (tiếp theo)**

*Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")*

Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của SOWATMES, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001933 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 11 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATMES là xây dựng các công trình dân dụng. SOWATMES có trụ sở đăng ký tại số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Công ty liên doanh và liên kết**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có các công ty liên doanh và liên kết được trình bày như sau:

*Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 ("VICT")*

Công ty sở hữu 37% vốn chủ sở hữu của VICT, một doanh nghiệp liên doanh được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và Luật Đầu tư hiện hành theo Giấy phép Đầu tư ("GPĐT") số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các GPĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của VICT là xây dựng và kinh doanh khu cảng container tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container. VICT có trụ chính tại Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 ("SOWATCO-ECO 747")*

Công ty sở hữu 49% vốn chủ sở hữu của SOWATCO-ECO 747, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 2900751997 do SKHĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCO-ECO 747 là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. SOWATCO-ECO 747 có trụ sở đăng ký tại số 161/1 Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

*Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam ("SOWATCOSER")*

Công ty sở hữu 26,27% vốn chủ sở hữu của SOWATCOSER, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0303215396 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCOSER là cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. SOWATCOSER có trụ sở đăng ký tại số 38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 361 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 412).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

### **2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tổng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tổng Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi cổ đông của Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tổng Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 6 năm

**3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Thông thường, Tổng Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên doanh, liên kết sau khi liên doanh/mua.

Phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên doanh, liên kết sau khi liên doanh/mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tổng Công ty trong thay đổi sau khi liên doanh/mua của các quỹ của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh/mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên doanh, liên kết được cản trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên doanh, liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư, nếu phát sinh, được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**3.14 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải; cơ khí đóng tàu; xây dựng; xuất khẩu lao động; kinh doanh thương mại (dầu, nhớt); và hoạt động đầu tư tài chính trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	595.867.256	273.983.136
Tiền gửi ngân hàng	59.711.972.147	23.963.429.310
Các khoản tương đương tiền (*)	45.728.000.000	20.946.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106.035.839.403</b>	<b>45.183.412.446</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,3%/năm đến 4,8%/năm đối với các khoản tiền gửi bằng VND và 0%/năm đối với khoản tiền gửi bằng USD.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**5.1 Chứng khoán kinh doanh**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
	Chứng chỉ quỹ (i)	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	-	-
Ủy thác đầu tư (ii)	80.500.000.000	(13.457.923.644)	67.042.076.356	-	-	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>130.500.000.000</b>	<b>(13.457.923.644)</b>	<b>117.042.076.356</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	

(i) Đây là khoản chứng chỉ quỹ phát hành bởi Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng Công Thương Việt Nam, được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam.

(ii) Đây là khoản ủy thác cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát với thời hạn không quá mười hai (12) tháng nhằm mục đích đầu tư vào các loại chứng khoán và các giấy tờ có giá tại Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản ủy thác đầu tư này bao gồm khoản đầu tư vào 1.710.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vinataba với giá trị hợp lý là 13.680.000.000 VND; 7.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần DAP – Vinachem với giá trị hợp lý là 53.200.000.000 VND; và tiền gửi với số tiền là 162.076.356 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	62.412.870.000	64.374.870.000
Ủy thác đầu tư (ii)	415.500.000.000	135.000.000.000
<i>Công ty TNHH Quản lý Quỹ Ngân hàng     Thương mại Cổ phần Công thương     Việt Nam</i>	<i>415.500.000.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB</i>	<i>-</i>	<i>135.000.000.000</i>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>477.912.870.000</u></b>	<b><u>199.374.870.000</u></b>

- (i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có thời hạn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 6,0% đến 6,8% một năm. Trong đó, Tổng Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (*Thuyết minh số 16*).
- (ii) Đây là các khoản ủy thác cho các công ty quản lý quỹ đầu tư với thời hạn không quá mười hai (12) tháng nhằm mục đích đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>30.278.455.346</b>	<b>41.114.365.126</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>13.698.112.782</i>	<i>16.125.242.045</i>
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hữu Lễ</i>	<i>4.487.059.450</i>	<i>4.487.059.450</i>
<i>Công ty TNHH Than Tân Phù Đồng</i>	<i>373.313.029</i>	<i>5.743.434.493</i>
<i>Khách hàng khác</i>	<i>11.719.970.085</i>	<i>14.758.629.138</i>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>3.091.995.529</b>	<b>6.466.785.679</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phước Thịnh</i>	<i>2.217.600.000</i>	<i>1.267.200.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại M.H.P</i>	<i>-</i>	<i>3.793.888.000</i>
<i>Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí Trường Thịnh</i>	<i>-</i>	<i>700.240.200</i>
<i>Người bán khác</i>	<i>874.395.529</i>	<i>705.457.479</i>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>36.532.533.790</b>	<b>25.641.430.510</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu lãi hoạt động ủy thác đầu tư</i>	<i>16.198.194.444</i>	<i>5.974.236.111</i>
<i>Phải thu về tiền lương, bảo hiểm xã hội của thuyền viên từ các đại lý</i>	<i>15.073.665.122</i>	<i>16.134.815.723</i>
<i>Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>3.204.861.111</i>	<i>1.602.514.420</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>2.055.813.113</i>	<i>1.929.864.256</i>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>-</b>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(16.462.841.103)</b>	<b>(16.462.841.103)</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>68.440.143.562</b>	<b>56.759.740.212</b>

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	16.462.841.103	14.847.603.644
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	981.841.013
Số cuối kỳ	<u>16.462.841.103</u>	<u>15.829.444.657</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Nợ xấu

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	6.463.918.325	-	6.463.918.325	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hữu Lễ	4.487.059.450	-	4.487.059.450	-
Công ty TNHH Xi măng Sơn Hồng	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Khác	4.601.994.627	90.131.299	4.601.994.627	90.131.299
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.552.972.402</b>	<b>90.131.299</b>	<b>16.552.972.402</b>	<b>90.131.299</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nguyên liệu, vật liệu	9.353.943.980	347.543.494
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.315.280.046	3.306.743.356
Hàng hóa	346.045.518	8.575.880.466
Công cụ, dụng cụ	15.581.921	1.594.197.586
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.030.851.465</b>	<b>13.824.364.902</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	60.000.000	115.636.364
Chi phí khác	4.665.083	26.330.161
	<u>64.665.083</u>	<u>141.966.525</u>
Dài hạn		
Phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp	4.649.606.750	4.994.942.750
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	961.592.834	870.183.918
	<u>5.611.199.584</u>	<u>5.865.126.668</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.675.864.667</b>	<b>6.007.093.193</b>



## Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	223.219.969.487	19.673.028.370	99.122.412.773	1.059.380.963	343.074.791.593
Mua mới trong kỳ	2.658.593.314	-	-	-	2.658.593.314
Phân loại lại	14.827.273	-	-	-	14.827.273
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.740.414.064)	-	(3.740.414.064)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>225.893.390.074</u>	<u>19.673.028.370</u>	<u>95.381.998.709</u>	<u>1.059.380.963</u>	<u>342.007.798.116</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	12.141.282.863	7.429.062.290	12.197.540.644	812.323.344	32.580.209.141
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	78.667.746.796	14.577.894.881	62.409.992.938	941.058.339	156.596.692.954
Khấu hao trong kỳ	4.166.405.355	622.211.930	2.963.184.710	25.534.948	7.777.336.943
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.311.455.159)	-	(3.311.455.159)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>82.834.152.023</u>	<u>15.200.106.939</u>	<u>62.061.722.489</u>	<u>966.593.287</u>	<u>161.062.574.738</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>144.552.222.691</u>	<u>5.095.133.489</u>	<u>36.712.419.835</u>	<u>118.322.624</u>	<u>186.478.098.639</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>143.059.238.051</u>	<u>4.472.921.431</u>	<u>33.320.276.220</u>	<u>92.787.676</u>	<u>180.945.223.378</u>

Tổng Công ty đã sử dụng phương tiện vận tải với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 15.011.450.802 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng. Chi tiết được thể hiện trong *Thuyết minh số 16*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại các địa điểm sau:

- Quyền sử dụng đất tại số 1461 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ở giữa Tổng Công ty với Công ty TNHH Liên doanh Phú Mỹ Hưng (“PMH”) ngày 20 tháng 6 năm 2009. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thành việc chuyển quyền sử dụng đất từ PMH sang Tổng Công ty.
- Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty tại số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ngày 7 tháng 7 năm 1999.

Ngày 21 tháng 7 năm 2011, Tổng Công ty nhận được Quyết định số 3573/QĐ-UBND từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cho Tổng Công ty được sử dụng khu đất này dưới hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để tiếp tục sử dụng làm văn phòng và ủy quyền cho Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xác định tiền sử dụng đất mà Tổng Công ty phải nộp.

Ngày 24 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty nhận được tờ trình số 572/TTr-TVC-HĐTĐGTP từ Tổ chuyên viên trình Hội đồng Thẩm định giá Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và phê duyệt, theo đó chi phí sử dụng đất được ước tính là 11.185.314.538 VND.

Từ ngày 24 tháng 12 năm 2014 đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty không nhận thêm bất kỳ văn bản nào khác từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chi phí sử dụng đất phải nộp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng hiện nay chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề này, và do đó Tổng Công ty đã không ghi nhận khoản nợ phải trả với số tiền nêu trên trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đồng thời chưa tiến hành trích hao mòn cho giá trị quyền sử dụng đất nêu trên.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Sà lan	25.099.183.486	14.571.109.942
Khác	506.820.562	200.597.092
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>25.606.004.048</u></b>	<b><u>14.771.707.034</u></b>

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	294.544.305.754	317.138.354.170
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	813.124.639	320.997.266.614
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	5.677.700.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>301.035.130.393</u></b>	<b><u>638.135.620.784</u></b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có thời hạn trên mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 6,5% đến 6,7% một năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết**

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

VND

	Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Tổng cộng
<b>Giá trị đầu tư:</b>				
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	155.730.813.876	3.561.349.400	3.039.240.000	162.331.403.276
<b>Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi liên doanh/mua các công ty liên doanh, liên kết:</b>				
Số đầu năm	158.202.660.845	(3.561.349.400)	165.639.449	154.806.950.894
Phần lợi nhuận (lỗ) trong kỳ	10.179.337.317	-	(35.402.130)	10.143.935.187
Cổ tức nhận được trong kỳ	(32.737.983.603)	-	-	(32.737.983.603)
Số cuối kỳ	135.644.014.559	(3.561.349.400)	130.237.319	132.212.902.478
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu kỳ	313.933.474.721	-	3.204.879.449	317.138.354.170
Số cuối kỳ	291.374.828.435	-	3.169.477.319	294.544.305.754

**12.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Giá gốc khoản đầu tư	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	440.000.000	0,05	440.000.000	0,05
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động và Dịch vụ Vận tải thủy Miền Nam	373.124.639	-	373.124.639	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Keppel Land Watco (*)	-	-	320.184.141.975	16,00
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>813.124.639</b>		<b>320.997.266.614</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (tiếp theo)**

(\*) Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Keppel Land Watco ("Keppel Land Watco") là một doanh nghiệp liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép đầu tư ("GPĐT") số 626/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp ngày 19 tháng 6 năm 1993 và theo các GPĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Keppel Land Watco là sở hữu và phát triển khu văn phòng và căn hộ cho thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh để tạo thu nhập từ hoạt động cho thuê và các dịch vụ khác. Keppel Land Watco có trụ sở chính tại Lầu 4, Tòa nhà Saigon Centre, số 65 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2016, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn tại Keppel Land Watco. Theo đó, vào ngày 17 tháng 3 năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng khoản đầu tư này với tổng giá trị là 845.880.000.000 VND.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phước Thịnh	2.880.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quốc Chinh	857.831.661	562.446.630
Công ty TNHH Phương Hải Anh	425.514.669	384.532.819
Công ty TNHH Dịch vụ Vân Tiến	302.626.390	469.844.793
Người bán khác	1.676.154.483	543.190.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.142.127.203</b>	<b>1.960.014.492</b>

**13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ban Quản lý Dự án Quận 11	1.973.033.100	1.086.228.100
Ông Lê Bá Trung	1.460.827.750	-
Người mua khác	1.247.580.724	1.196.566.114
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.681.441.574</b>	<b>2.282.794.214</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.701.015.356	107.079.564.691	(104.324.586.355)	4.455.993.692
Thuế giá trị gia tăng	1.519.009.532	7.988.068.746	(9.234.756.199)	272.322.079
Thuế thu nhập cá nhân	211.095.110	3.625.260.943	(3.583.640.762)	252.715.291
Khác	7.007.900	515.015.723	(6.500.000)	515.523.623
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.438.127.898</b>	<b>119.207.910.103</b>	<b>(117.149.483.316)</b>	<b>5.496.554.685</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 / năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả cho thuyền viên	25.302.560.151	24.912.326.061
Kinh phí bồi thường di dời (*)	23.126.256.380	-
Nhận ký quỹ	7.459.624.697	7.055.298.847
Doanh thu chưa thực hiện	9.041.876.005	5.093.817.573
Phải trả hãng tàu	2.866.394.682	2.478.502.377
Bảo hiểm thuyền viên	1.875.806.303	1.435.607.113
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	117.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.670.988.379	19.210.771.463
	<u>87.343.506.597</u>	<u>60.303.823.434</u>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ từ thuyền viên	10.558.800.000	6.593.100.000
Nhận ký quỹ thuê nhà và thuê sân bãi	224.500.000	584.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	339.551.000	392.029.000
	<u>11.122.851.000</u>	<u>7.569.629.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>98.466.357.597</b>	<b>67.873.452.434</b>

(\*) Theo Quyết định số 4352/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ ngày 6 tháng 12 năm 2006, Tổng Công ty có nghĩa vụ di dời nhà máy đóng tàu của Công ty Đóng tàu Cần Thơ tại Lô 77B Đường Trần Phú, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ để phục vụ cho Dự án Mở rộng Trụ sở Công An Thành phố Cần Thơ. Theo đó, Tổng Công ty đã nhận được khoản bồi thường, hỗ trợ thiệt hại từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ với số tiền là 23.126.256.380 VND và ghi nhận khoản phải trả liên quan đến kế hoạch di dời trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. VAY**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả	1.109.399.555	1.056.571.389
Vay ngắn hạn bên liên quan	-	15.000.000.000
	<u>1.109.399.555</u>	<u>16.056.571.389</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn ngân hàng	<u>56.559.836.984</u>	<u>55.586.933.613</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>57.669.236.539</u></b>	<b><u>71.643.505.002</u></b>

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu kỳ	16.056.571.389	55.586.933.613	71.643.505.002
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	579.695.526	(579.695.526)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(15.526.867.360)	-	(15.526.867.360)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.552.598.897	1.552.598.897
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.109.399.555</u></b>	<b><u>56.559.836.984</u></b>	<b><u>57.669.236.539</u></b>



# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 16. VAY (tiếp theo)

### Vay dài hạn từ ngân hàng

Tổng Công ty có các khoản vay dài hạn theo các hiệp định tài trợ khung (Hiệp định vay số 2613-VIE và số 2614-VIE) giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Chương trình Cải cách Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản trị công ty. Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	USD			
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II</i>					
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Thông thường ("Khoản vay OCR") (i)	50.842.858.849	2.232.888	Ngày 15 tháng 11 năm 2034	0,68	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 15.011.450.802 VND (Thuyết minh số 9)
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Đặc biệt ("Khoản vay ADF") (ii)	6.826.377.690	299.797	Ngày 15 tháng 11 năm 2041	1,00	và tiền gửi có kỳ hạn trị giá 50.000.000.000 VND (Thuyết minh số 5)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>57.669.236.539</b>	<b>2.532.685</b>			
<i>Trong đó</i>					
<i>Vay dài hạn</i>	56.559.836.984				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	1.109.399.555				

Theo Hiệp định vay phụ ngày 8 tháng 10 năm 2010 giữa Bộ Tài chính ("BTC") và Tổng Công ty, BTC sẽ cho Tổng Công ty vay lại các khoản vay mà BTC vay được từ ADB theo những điều kiện và điều khoản được ADB chấp thuận, chi tiết như sau:

- (i) Khoản vay OCR theo Hiệp định vay số 2613-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án tái cấu trúc tài chính và tái cấu trúc doanh nghiệp của Tổng Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 25 năm với lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 đến ngày 15 tháng 11 năm 2034.
- (ii) Khoản vay ADF theo Hiệp định vay số 2614-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án củng cố và tái cấu trúc hoạt động của Tổng Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 32 năm với lãi suất 1%/năm (trong thời gian ân hạn) và 1,5%/năm trong các năm sau đó. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2018 đến ngày 15 tháng 11 năm 2041.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
VND						
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	671.000.000.000	531.468.161	38.244.906.298	49.565.919.026	213.034.373.022	972.376.666.507
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	42.121.793.076	42.121.793.076
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(33.550.000.000)	(33.550.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	44.280.152	-	(106.059.751)	(61.779.599)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	(43.600.001)	(43.600.001)
Giảm khác	-	(4.295.463)	(33.255.865)	-	(85.642.640)	(123.193.968)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>671.000.000.000</u>	<u>527.172.698</u>	<u>38.255.930.585</u>	<u>49.565.919.026</u>	<u>221.370.863.706</u>	<u>980.719.886.015</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	671.000.000.000	530.450.206	38.281.839.102	49.565.919.026	241.816.391.370	1.001.194.599.704
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	451.049.318.824	451.049.318.824
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(335.500.000.000)	(335.500.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(387.000.000)	(387.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>671.000.000.000</u>	<u>530.450.206</u>	<u>38.281.839.102</u>	<u>49.565.919.026</u>	<u>356.978.710.194</u>	<u>1.116.356.918.528</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**17.2 Cổ phiếu**

	<i>Số cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	67.100.000	67.100.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	67.100.000	67.100.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**17.3 Lãi trên cổ phiếu**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (VND)	451.049.318.824	42.121.793.076
<i>Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)</i>	-	(61.779.599)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>451.049.318.824</b>	<b>42.060.013.477</b>
Số cổ phiếu bình quân lưu hành bình quân	67.100.000	67.100.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
- <i>Lãi cơ bản</i>	6.722	627
- <i>Lãi suy giảm</i>	6.722	627

Tổng Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**17.4 Cổ tức**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong kỳ	<u>335.500.000.000</u>	<u>33.550.000.000</u>

Trong kỳ, Tổng Công ty đã công bố cổ tức năm 2016 và ứng trước cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ lần lượt là 10% và 40% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2017 ngày 11 tháng 4 năm 2017. Các khoản cổ tức này đã được thanh toán toàn bộ trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**17.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	6.648.524.109	3.731.263.114
Lợi nhuận trong kỳ	116.109.740	215.338.639
Cổ tức đã trả	(83.448.000)	(211.777.664)
Tăng khác	-	42.111.759
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>6.681.185.849</u></b>	<b><u>3.776.935.848</u></b>

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>83.323.111.361</b>	<b>102.179.736.099</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	70.413.182.545	70.944.852.657
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	10.968.373.839	22.332.041.346
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.941.554.977	6.356.116.641
<i>Doanh thu xây dựng</i>	-	2.546.725.455
<b>Khoản giảm trừ doanh thu</b>		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(84.651.533)	-
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>83.238.459.828</u></b>	<b><u>102.179.736.099</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	70.413.182.545	70.944.852.657
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	10.883.722.306	22.332.041.346
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.941.554.977	6.356.116.641
<i>Doanh thu xây dựng</i>	-	2.546.725.455
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với khách hàng khác</i>	51.608.001.544	67.372.636.039
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	31.630.458.284	34.807.100.060



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. DOANH THU (tiếp theo)**

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	525.695.858.025	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	42.975.083.718	32.417.263.225
Thu nhập từ ủy thác đầu tư	17.420.416.645	-
Lãi tiền gửi, cho vay	5.188.949.197	4.884.406.627
Khác	4.500.000	10.384.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>591.284.807.585</u></b>	<b><u>37.312.053.852</u></b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	55.683.574.015	56.800.053.314
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.937.597.211	21.849.051.539
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.027.846.128	4.740.127.046
Giá vốn xây dựng	-	2.546.725.455
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>69.649.017.354</u></b>	<b><u>85.935.957.354</u></b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13.457.923.644	-
Lỗ từ hoạt động ủy thác đầu tư	1.974.236.111	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.552.598.897	-
Chi phí lãi vay	482.682.909	431.359.982
Chi phí tài chính khác	686.809.761	18.850.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.154.251.322</u></b>	<b><u>450.209.982</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nhân công	3.811.936.626	3.656.308.533
Dự phòng trợ cấp thôi việc	183.487.425	1.767.502.912
Chi phí khấu hao	153.915.078	153.915.078
Dự phòng bảo hành công trình	56.517.330	433.943.153
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	981.841.013
Chi phí khác	2.749.978.681	3.256.304.495
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.955.835.140</u></b>	<b><u>10.249.815.184</u></b>

**22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.725.773.710</b>	<b>181.414.132</b>
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	1.152.859.328	-
Hoàn nhập bảo hành sản phẩm	374.436.415	-
Tiền thu từ bán phế liệu	146.072.726	-
Khác	52.405.241	181.414.132
<b>Chi phí khác</b>	<b>31.642.012</b>	<b>4.127.106.093</b>
Chi phí xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.947.043.994
Chi phí khác	31.642.012	180.062.099
<b>Lợi nhuận (lỗ) khác</b>	<b><u>1.694.131.698</u></b>	<b><u>(3.945.691.961)</u></b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nhân công	21.843.546.037	23.763.003.906
Giá vốn hàng hóa đã bán	11.937.597.211	21.849.051.539
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 9)	7.777.336.943	7.729.518.556
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.715.598.167	9.845.048.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.183.468.718	1.878.809.992
Chi phí khác	24.147.305.418	31.120.339.631
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>76.604.852.494</u></b>	<b><u>96.185.772.538</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2016: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	107.079.564.691	2.453.384.209
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	617.077.624	(353.500.582)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>107.696.642.315</u></b>	<b><u>2.099.883.627</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>558.862.070.879</u></b>	<b><u>44.437.015.342</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2016:20%)	111.772.414.176	8.887.403.068
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗ (lợi nhuận) nhận từ công ty liên kết	4.518.809.683	(1.105.379.974)
Cổ tức nhận được	(8.594.581.544)	(6.483.452.645)
Các chi phí không được trừ	-	801.313.178
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>107.696.642.315</u></b>	<b><u>2.099.883.627</u></b>

**24.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**24.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Tổng Công ty đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả với biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
	VND			
Phải thu lãi hoạt động đầu tư ủy thác	3.239.638.888	-	3.239.638.888	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	712.269.880	712.269.880	-	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	71.041.653	71.041.653	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(698.254.475)	(767.277.940)	69.023.465	(353.500.582)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(2.691.584.729)	-	(2.691.584.729)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>633.111.217</b>	<b>16.033.593</b>	<b>617.077.624</b>	<b>(353.500.582)</b>



## Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tổng Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Cho vay	35.000.000.000	33.000.000.000
		Thu cho vay	20.000.000.000	33.000.000.000
		Trả nợ gốc vay	15.000.000.000	25.000.000.000
		Cung cấp dịch vụ	2.906.319.531	1.580.636.363
		Thanh lý xe tải	1.090.909.092	-
		Lãi vay	97.500.000	192.666.667
		Lãi cho vay	23.333.333	155.833.333
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 ("VICT")	Công ty liên kết	Nhận cổ tức	32.737.983.603	9.337.214.180
		Cung cấp dịch vụ	27.576.781.657	33.226.463.697
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Keppel Land Watco	Công ty liên kết	Nhận cổ tức	10.234.924.115	19.080.049.045
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.147.357.096	-

## Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 VICT	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.463.918.325	6.463.918.325
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	4.738.755.518	8.150.809.761
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	1.474.002.500	1.032.456.670
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	526.685.939	478.057.289
	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	494.750.500	-
			<b><u>13.698.112.782</u></b>	<b><u>16.125.242.045</u></b>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam	Công ty mẹ	Cho vay	15.000.000.000	-
<b><i>Vay ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Vay	-	15.000.000.000
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Lãi vay	-	117.500.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám Giám đốc như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Lương, thù lao và thưởng	<u>1.046.000.000</u>	<u>608.100.000</u>

**26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tổng Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
		VND
Đến 1 năm	4.278.917.702	4.311.161.452
Trên 1 - 5 năm	<u>1.077.384.348</u>	<u>5.325.467.672</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.356.302.050</u></b>	<b><u>9.636.629.124</u></b>

**27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải; cơ khí đóng tàu; xây dựng; xuất khẩu lao động; kinh doanh thương mại (dầu, nhớt); và hoạt động đầu tư tài chính trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	VND						
	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đóng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Hoạt động đầu tư tài chính	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>							
<b>Doanh thu bộ phận</b>	<b>10.883.722.306</b>	<b>4.990.189.628</b>	<b>2.735.929.150</b>	<b>4.867.623.027</b>	<b>59.760.995.717</b>	<b>563.522.967.305</b>	<b>646.761.427.133</b>
<b>Lợi nhuận (lỗ) bộ phận</b>	<b>(1.371.525.708)</b>	<b>(2.104.906.344)</b>	<b>1.356.240.843</b>	<b>536.980.500</b>	<b>15.172.653.183</b>	<b>560.906.792.423</b>	<b>574.496.234.897</b>
<i>Đối chiếu</i>							
Lãi tiền gửi							5.165.615.864
Chi phí lãi vay							(482.682.909)
Chi phí không phân bổ							(20.317.096.973)
Lợi nhuận kế toán trước thuế							<b>558.862.070.879</b>
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>							
Khấu hao	26.503.352	733.833.186	121.860.144	11.298.153	6.883.842.108	-	7.777.336.943
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-	-	-	-
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>							
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>3.400.000</b>	<b>32.431.495.874</b>	<b>7.609.789.210</b>	<b>16.736.669.150</b>	<b>189.217.160.937</b>	<b>912.652.861.504</b>	<b>1.158.651.376.675</b>
<i>Đối chiếu:</i>							
Tài sản không phân bổ							145.419.990.404
Tổng tài sản							<b>1.304.071.367.079</b>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>-</b>	<b>26.600.736.313</b>	<b>3.118.592.309</b>	<b>49.466.579.658</b>	<b>16.308.531.657</b>	<b>-</b>	<b>95.494.439.937</b>
<i>Đối chiếu:</i>							
Nợ phải trả không phân bổ							85.538.822.765
Tổng nợ phải trả							<b>181.033.262.702</b>



# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau: (tiếp theo)

							VND
	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đóng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Hoạt động đầu tư tài chính	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>							
Doanh thu bộ phận	15.889.369.949	10.260.076.780	10.659.616.800	5.647.047.184	59.723.625.386	37.954.547.097	140.134.283.196
Lợi nhuận (lỗ) bộ phận	(2.422.285.467)	(134.505.227)	1.069.622.872	496.553.373	17.234.393.194	37.954.547.097	54.198.325.842
<u>Đối chiếu</u>							
Lãi tiền gửi							4.884.406.627
Chi phí lãi vay							(431.359.982)
Chi phí không phân bổ							(14.214.357.145)
Lợi nhuận kế toán trước thuế							44.437.015.342
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>							
Khấu hao	(219.728.095)	(717.553.998)	(126.525.222)	(11.298.153)	(6.654.413.088)	-	(7.729.518.556)
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	(176.076.340)	(805.764.673)	-	(981.841.013)
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>							
Tài sản bộ phận	13.769.334.652	25.753.290.563	6.758.610.818	16.172.476.216	210.894.506.111	645.680.690.228	919.028.908.588
<u>Đối chiếu:</u>							
Tài sản không phân bổ							246.734.293.622
Tổng tài sản							1.165.763.202.210
Nợ phải trả bộ phận	452.960.146	504.685.235	1.779.995.664	45.484.830.252	1.589.456.842	-	49.811.928.139
<u>Đối chiếu:</u>							
Nợ phải trả không phân bổ							108.108.150.258
Tổng nợ phải trả							157.920.078.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

  
  
  


Phạm Quang Minh                      Trịnh Văn Quý                      Lê Bá Thọ  
Người lập                                      Kế toán trưởng                      Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

